

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận trúng tuyển chuyên khoa cấp I hệ tập trung năm 2019

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 4868/QĐ-BYT ngày 17 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của trường Đại học Y Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1636/BYT-QĐ ngày 25 tháng 5 năm 2001 của Bộ Y tế ban hành Quy chế Quản lý và đào tạo chuyên khoa cấp I;

Căn cứ Công văn số 333/BYT-K2ĐT ngày 21 tháng 01 năm 2019 của Bộ Y tế về việc Hướng dẫn đào tạo CKI, CKII và BSNT trong năm 2019;

Căn cứ Công văn số 5209/BYT-K2ĐT ngày 05 tháng 9 năm 2019 và công văn số 6052/BYT-K2ĐT ngày 15 tháng 10 năm 2019 của Bộ Y tế về việc Bổ sung và điều chỉnh chỉ tiêu đào tạo chuyên khoa I và chuyên khoa II năm 2019 của Trường Đại học Y Hà Nội;

Xét đề nghị của Trường phòng Quản lý Đào tạo Sau đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận trúng tuyển đợt 2 chuyên khoa cấp I hệ tập trung khóa 24 (2019 - 2021) của Trường Đại học Y Hà Nội cho 111 (một trăm mười một) thí sinh có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Các học viên chuyên khoa cấp I có trách nhiệm thực hiện các quy định và được hưởng mọi quyền lợi theo quy chế đào tạo Sau đại học hiện hành.

Điều 3. Trường phòng SDH, HCTH, TCKT, các thành viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ Y tế (để báo cáo);
- Lưu: VT, SDH.

HIỆU TRƯỞNG

Ta Thành Văn

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN ĐỢT 2
CHUYÊN KHOA CẤP I HỆ TẬP TRUNG KHÓA 24 NĂM 2019
(Kèm theo quyết định số: 5981 /QĐ-ĐHYHN ngày 25 tháng 10 năm 2019)

STT	TT CN	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành đào tạo
1	1	Tạ Hồng Hạnh	29/08/1977	Hà Nội	Giải phẫu bệnh
2	2	Lý Thị Hoa	22/12/1987	Yên Bái	Giải phẫu bệnh
3	3	Nguyễn Thị Thúy Ngọc	19/12/1977	Phú Thọ	Giải phẫu bệnh
4	4	Hoàng Văn Vĩnh	22/05/1988	Hà Giang	Giải phẫu bệnh
5	1	Đỗ Xuân Cầm	19/07/1989	Quảng Ninh	Hồi sức cấp cứu
6	2	Đỗ Tiến Dũng	05/01/1987	Nam Định	Hồi sức cấp cứu
7	3	Trần Trường Giang	04/07/1982	Nam Định	Hồi sức cấp cứu
8	4	Nguyễn Sỹ Mạnh	29/03/1990	Hải Dương	Hồi sức cấp cứu
9	5	Nguyễn Thạch Phong	30/04/1990	Hà Nội	Hồi sức cấp cứu
10	6	Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	15/05/1991	Thái Nguyên	Hồi sức cấp cứu
11	7	Nguyễn Thu Thủy	06/10/1988	Ninh Bình	Hồi sức cấp cứu
12	8	Thái Văn Tiếp	03/05/1990	Bắc Giang	Hồi sức cấp cứu
13	9	Phạm Thị Trang	29/03/1990	Thái Bình	Hồi sức cấp cứu
14	10	Nguyễn Đức Vinh	24/03/1975	Hà Nội	Hồi sức cấp cứu
15	1	Nguyễn Thị Lan Anh	10/07/1990	Vĩnh Phúc	Nhi khoa
16	2	Đặng Vân Anh	17/05/1992	Nghệ An	Nhi khoa
17	3	Trương Thị Bích	28/09/1988	Cao Bằng	Nhi khoa
18	4	Phùng Thị Cảnh	10/08/1989	Phú Thọ	Nhi khoa
19	5	Trần Phương Chinh	20/02/1992	Cao Bằng	Nhi khoa
20	6	Lò Văn Cương	05/10/1985	Biện Biên	Nhi khoa
21	7	Lê Thị Dinh	09/05/1984	Thanh Hóa	Nhi khoa
22	8	Nguyễn Thị Dung	12/10/1990	Vĩnh Phúc	Nhi khoa
23	9	Hoàng Trung Dũng	14/11/1989	Thái Bình	Nhi khoa
24	10	Đinh Thị Hà	30/10/1985	Ninh Bình	Nhi khoa
25	11	Nguyễn Thị Hải	03/06/1987	Hà Nội	Nhi khoa
26	12	Vũ Thọ Hải	05/02/1990	Bắc Ninh	Nhi khoa
27	13	Dương Văn Hải	10/08/1991	Vĩnh Phúc	Nhi khoa
28	14	Hoàng Thị Hồng Hạnh	13/10/1986	Hà giang	Nhi khoa
29	15	Phạm Văn Hạnh	07/12/1992	Phú Thọ	Nhi khoa
30	16	Nguyễn Quế Hằng	07/02/1991	Vĩnh Phúc	Nhi khoa
31	17	Nguyễn Thị Thanh Hiền	25/07/1980	Phú Thọ	Nhi khoa
32	18	Nguyễn Thị Hiền	17/09/1989	Bắc Ninh	Nhi khoa
33	19	Khả Thị Thanh Hoa	15/11/1984	Hà Nội	Nhi khoa
34	20	Ngô Thị Hoa	04/10/1988	Hà Nội	Nhi khoa
35	21	Thân Hồng Hoài	20/12/1990	Bắc Giang	Nhi khoa
36	22	Bùi Thị Hoài	28/11/1986	Thái Bình	Nhi khoa
37	23	Lê Thị Hợp	03/07/1986	Bắc Ninh	Nhi khoa

STT	TT CN	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành đào tạo
38	24	Vũ Thị Huế	12/10/1984	Hà Nam	Nhi khoa
39	25	Đặng Thị Bích Huệ	31/07/1981	Bắc Giang	Nhi khoa
40	26	Hoàng Thị Huệ	09/09/1990	Lạng Sơn	Nhi khoa
41	27	Đỗ Thị Lan Hương	04/12/1989	Hà Giang	Nhi khoa
42	28	Đoàn Thị Hương	13/08/1986	Hà Tĩnh	Nhi khoa
43	29	Nguyễn Thu Hường	25/07/1985	Hà Nội	Nhi khoa
44	30	Trần Thanh Lâm	17/08/1983	Yên Bái	Nhi khoa
45	31	Hà Thị Thanh Liêm	07/06/1987	Yên Bái	Nhi khoa
46	32	Nguyễn Thị Hồng Linh	24/01/1987	Vĩnh Phúc	Nhi khoa
47	33	Đàm Thị Thùy Linh	14/02/1989	Cao Bằng	Nhi khoa
48	34	Phạm Thị Long	19/01/1992	Yên Bái	Nhi khoa
49	35	Đinh Văn Mạnh	14/04/1992	Thái Nguyên	Nhi khoa
50	36	Trịnh Thị Mừng	01/08/1987	Hải Dương	Nhi khoa
51	37	Bùi Thị Nguyệt Nga	20/03/1991	Phú Thọ	Nhi khoa
52	38	Đỗ Phương Nga	18/05/1990	Hà Nội	Nhi khoa
53	39	Vũ Thị Ngà	05/03/1992	Hưng Yên	Nhi khoa
54	40	Phạm Kim Ngân	24/10/1989	Hà Nội	Nhi khoa
55	41	Lăng Thùy Ngân	21/12/1990	Lạng Sơn	Nhi khoa
56	42	Lê Thị Ngọc	25/12/1973	Thanh Hóa	Nhi khoa
57	43	Nguyễn Thị Ngọc	02/10/1987	Bắc Ninh	Nhi khoa
58	44	Phạm Thị Ngọc	06/12/1988	Nghệ An	Nhi khoa
59	45	Nguyễn Văn Ngọc	16/11/1991	Hà Nội	Nhi khoa
60	46	Trần Thị Ánh Nguyệt	20/07/1988	Yên Bái	Nhi khoa
61	47	Đỗ Thị Hồng Nhung	23/07/1991	Hưng Yên	Nhi khoa
62	48	Nguyễn Thị Nhung	19/04/1988	Quảng Ninh	Nhi khoa
63	49	Trần Thị Lan Phương	29/07/1992	Hà Nội	Nhi khoa
64	50	Ngô Thị Thu Phương	20/12/1990	Thanh Hóa	Nhi khoa
65	51	Nguyễn Hải Quân	10/07/1992	Vĩnh Phúc	Nhi khoa
66	52	Đàm Thị Quế	22/12/1990	Nam Định	Nhi khoa
67	53	Nguyễn Thị Quế	14/01/1990	Hà Nội	Nhi khoa
68	54	Giảng Thị Sáng	09/10/1991	Yên Bái	Nhi khoa
69	55	Trương Ngọc Sanh	27/03/1988	Quảng Ninh	Nhi khoa
70	56	Phạm Hoàng Thái	14/02/1989	Hải Dương	Nhi khoa
71	57	Trần Gia Thanh	18/09/1993	Nam Định	Nhi khoa
72	58	Nguyễn Quang Thành	01/02/1988	Bắc Giang	Nhi khoa
73	59	Nguyễn Thị Thơm	05/01/1989	Hưng Yên	Nhi khoa
74	60	Lê Hoài Thu	06/11/1990	Yên Bái	Nhi khoa
75	61	Lưu Thị Thủy	09/03/1987	Quảng Ninh	Nhi khoa
76	62	Ngô Thị Thủy	12/02/1988	Bắc Ninh	Nhi khoa
77	63	Nguyễn Thị Phương Thúy	05/04/1990	Bắc Giang	Nhi khoa
78	64	Lê Thị Thúy	14/08/1989	Thái Bình	Nhi khoa
79	65	Ngô Thị Thúy	16/06/1985	Nam Định	Nhi khoa

STT	TT CN	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành đào tạo
80	66	Hoàng Sỹ Tiến	22/12/1992	Thanh Hóa	Nhi khoa
81	67	Lê Hoàng Tình	02/09/1984	Thanh Hóa	Nhi khoa
82	68	Nguyễn Hồng Toàn	02/11/1989	Đà Nẵng	Nhi khoa
83	69	Hoàng Thị Quỳnh Trang	25/08/1990	Hà Nội	Nhi khoa
84	70	Nguyễn Khắc Trinh	05/01/1989	Hà Nội	Nhi khoa
85	71	Nguyễn Hữu Trước	03/03/1988	Hải Dương	Nhi khoa
86	72	Lê Ngọc Tuấn	07/01/1991	Thái Bình	Nhi khoa
87	73	Nguyễn Thị Tuyết	24/09/1989	Thái Bình	Nhi khoa
88	74	Hoàng Trung Ủy	28/08/1987	Yên Bái	Nhi khoa
89	75	Nguyễn Thị Thanh Xuân	07/05/1984	Vĩnh Phúc	Nhi khoa
90	1	Đỗ Văn Chung	15/11/1988	Thanh Hóa	Nội khoa
91	2	Lã Thị Mỹ Dung	28/05/1988	Hưng Yên	Nội khoa
92	3	Đỗ Thị Hà	12/03/1991	Thanh Hóa	Nội khoa
93	4	Lùng Phìn Khuẩn	20/06/1979	Lào Cai	Nội khoa
94	5	Nguyễn Trung Kiên	10/03/1990	Sơn La	Nội khoa
95	6	Nguyễn Thị Lụa	19/08/1989	Thái Bình	Nội khoa
96	7	Nguyễn Duy Luân	06/06/1987	Bắc Giang	Nội khoa
97	8	Nguyễn Văn Minh	27/04/1982	Bắc Ninh	Nội khoa
98	9	Nguyễn Ngọc Quang	25/11/1993	Thanh Hóa	Nội khoa
99	10	Lia Láo Sồng	24/10/1986	Sơn La	Nội khoa
100	11	Nguyễn Trọng Tấn	31/07/1983	Phú Thọ	Nội khoa
101	12	Trần Văn Thao	09/08/1981	Thái Bình	Nội khoa
102	13	Phạm Thị Trang	22/08/1983	Yên Bái	Nội khoa
103	14	Phí Thị Thu Trang	03/10/1989	Hà Nội	Nội khoa
104	15	Quách Anh Tuấn	01/06/1986	Thanh Hoá	Nội khoa
105	16	Lê Thị Kim Tuyết	21/04/1985	hà Nội	Nội khoa
106	17	Lò Thị Vui	25/10/1986	Điện Biên	Nội khoa
107	1	Phan Hùng Anh	02/09/1989	Phú Thọ	Tai Mũi Họng
108	2	Nguyễn Thị Bình	02/09/1980	Vĩnh Phúc	Tai Mũi Họng
109	3	Phạm Việt Dũng	17/08/1969	Thái Nguyên	Tai Mũi Họng
110	4	Đặng Thị Mỹ Hạnh	01/06/1973	Bắc Ninh	Tai Mũi Họng
111	5	Phạm Thanh Hoa	21/10/1992	Bắc Giang	Tai Mũi Họng

Ấn định danh sách gồm 111 (một trăm mười một) thí sinh./.